TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST.
Ngày 07 - 11 - 2019
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng Hải.

2. Bà Tiêu Thị Phương Bắc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST- DS, ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Ngân hàng N. Địa chỉ trụ sở: L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Ngân hàng N*: Ông Hồ Anh H. Giám đốc Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 510/QĐ. HĐTV – PC ngày 19/6/2014) *(Có mặt)*.

* *Bị đơn*: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1957. Cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có nhu cầu vay vốn để trồng mía bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV-201700059 ngày 17/01/2017 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn vay 12

tháng kể từ ngày 17/01/2017, lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn là 8,4%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 16/01/2018. Sau khi hợp đồng Ngân Ngân hàng N - Chi nhánh C, tỉnh Sóc Trăng đã giải ngân cho bà H số tiền là 100.000.000 đồng phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 17/01/2017. Từ khi vay vốn cho đến nay bà H không hoàn trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 07/11/2019 DL , bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi cụ thể như sau: Tiền gốc là 100.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 14.175.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 6.883.333 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 121.058.333 đồng.

Nay Ngân hàng Nyêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 121.058.333 đồng (trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 14.175.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 6.883.333 đồng) và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 08/11/2019 DL đến khi bà Nguyễn Thị H trả dứt nợ cho Ngân hàng N theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 8,4%/năm.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, bà H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ngân hàng N thì vào ngày 17/01/2017 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị H có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV-201700059 ngày 17/01/2017, theo đó Ngân hàng cho bà H vay vốn số tiền là 100.000.000 đồng để trồng mía. Do bà H vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho Ngân hàng, nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà H phải hoàn trả tiền cho Ngân hàng N số tiền gốc và tiền lãi là 121.058.333 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án xét xử xong vụ án đến khi bà H trả tất nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp dân sự là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có nhu cầu vay vốn để trồng mía bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV-201700059 ngày 17/01/2017 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 17/01/2017, lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn là 8,4%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 16/01/2018. Sau khi hợp đồng Ngân hàng N - Chi nhánh C, tỉnh Sóc Trăng đã giải ngân cho bà H số tiền là 100.000.000 đồng phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 17/01/2017. Từ khi vay vốn cho đến nay bà H không hoàn trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 07/11/2019 DL , bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi cụ thể như sau: Tiền gốc là 100.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 14.175.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 6.883.333 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 121.058.333 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 121.058.333 đồng (trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 14.175.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 6.883.333 đồng) và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 08/11/2019 DL đến khi bà Nguyễn Thị H trả dứt nợ cho Ngân hàng N theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 8,4%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc bà Hường vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ như: 01 (Một) Bảng kê tính lãi (Bản chính); 01 (Một) Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (Bản sao y); 01 (Một) Hợp đồng tín dụng (Bản sao y); 01 (Một) Phụ lục hợp đồng tín dụng (Bản sao y); 01 (Một) Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân (Bản sao y);02 (Hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản sao y); 01 (Một) Biên bản làm việc (Bản sao y); 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị H (Bản sao y); 01 (Một) Sổ hộ khẩu gia đình tên Nguyễn Văn N (Bản sao y); 01 (Một) Giấy chứng tử tên Ngô Văn N (Bản sao y); 01 (Một) Đơn xin xác nhận không có số nhà (Bản chính). Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng N Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của Ngân hàng N và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà H, nhưng bà H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Xét thấy về hình thức và nội dụng, trình tự thủ tục các văn bản này là phù hợp theo quy định, nên có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N cho rằng bà H có vay số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201700059 ngày 17/01/2017 là phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ pháp luật.

Xét về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201700059 ngày 17/01/2017 giữa Ngân hàng N va bà Nguyễn Thị H xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số:

01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Theo đại diện của Ngân hàng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 17/01/2017 bà H nhận số tiền là 100.000.000 đồng là đủ số vốn vay theo Hợp đồng. Bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng hàng tháng và trả tất vốn vay khi hết hạn hợp đồng, nhưng từ khi vay cho đến nay bà H không trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng. Xét thấy, bà H thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm Điều 7 của Hợp đồng mà các bên đã ký kết, bà H là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và tiền lãi là 121.058.333 đồng (Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 14.175.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 6.883.333 đồng) và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 08/11/2019 DL đến khi bà Nguyễn Thị H trả dứt nợ cho Ngân hàng N theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 8,4%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, người đại diện của Ngân hàng yêu cầu bà H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và tiền lãi là 121.058.333 đồng (Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 14.175.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 6.883.333 đồng) và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 08/11/2019 DL đến khi bà Nguyễn Thị H trả dứt nợ cho Ngân hàng N theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 8,4%/năm là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số: 39/2010/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Vì vậy, cần xử buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và tiền lãi là 121.058.333 đồng (Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 14.175.000 đồng; Tiền lãi quá hạn là 6.883.333 đồng) và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 08/11/2019 DL đến

khi bà Nguyễn Thị H trả dứt nợ cho Ngân hàng N theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 8,4%/năm.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp số tiền là 6.052.916 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006167 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1, Điều 2, Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số: 08/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 07/11/2019 DL là 121.058.333 đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)* và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 08/11/2019 DL đến khi bà Nguyễn Thị H trả dứt nợ cho Ngân hàng N theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 8,4%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận

về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 6.025.916 đồng *(Sáu triệu không trăm năm mươi hai ngàn chín trăm mười sáu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006167 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Nguyễn Thị H không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên